

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Kim Nhung

2. Bà Chung Kim Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thảo H**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 94/1 đường T1, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Duy T**, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 863/10 đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thảo H trình bày:*

Trước đây bà và ông T tự tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2019. Thực tế hai người đã chung sống được hơn 13 năm; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên chơi bời, không chăm sóc gia đình. Hai vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm rạn

nứt, hai bên đã tự hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà đã dọn về nhà mẹ ruột ở từ khoảng giữa năm 2021 và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà muốn ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Phan Duy A, sinh ngày 08/8/2013, hiện tại do bà đang nuôi dưỡng; bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn xin vắng mặt ngày 22/3/2022 ông Phan Duy T là bị đơn trình bày:* Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thảo H; đồng ý giao con chung là Phan Duy A, sinh ngày 08/8/2013 cho bà H nuôi dưỡng; tài sản chung, nợ chung của hai vợ chồng, ông xác định là không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Thủ tục tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị Thảo H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phan Duy T; đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Duy T là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ông Phan Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt **ông T**.

#### **[2] Nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thảo H và ông Phan Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2019 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Tại phiên toà, bà H xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì giữa bà và ông T không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay. Về phía ông T cũng đã có văn bản ý kiến đồng

ý ly hôn với bà H. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông T có 01 người con chung tên Phan Duy A, sinh ngày 08/8/2013, hiện do bà H trực tiếp chăm sóc. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy về phía ông T cũng có ý kiến đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng và cháu A cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ; bà H cam kết có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu A cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

**Bà H** cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **bà H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn **bà H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228**, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thảo H được ly hôn với ông Phan Duy T.

**2.** Về con chung: Giao cháu Phan Duy A, sinh ngày 08/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Thảo H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Bà H** cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì **bà H** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

**3.** Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thảo H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001932 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, **bà H** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp Rạch Giá;
- THADS Tp Rạch Giá;
- **UBND phường A, TP Rạch Giá;**
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Hồng Thắm**